

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07-12 -2021

*“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Khánh.

Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Huy Cường.

- Ông Trần Thanh Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Việt - Thư ký tòa án nhân dân huyện
Tĩnh Biên.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Biên tham gia
phiên tòa: Bà Nèang Sa Men – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tĩnh
Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số:
403/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc “ *Tranh chấp hôn
nhân gia đình, ly hôn* ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2021/QĐST-
HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số:
62/QĐST-HNGĐ ngày 16/11/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp Đ1, xã L, huyện Tĩnh Biên, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Chị Lâm Thị Trang Đ, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp Đ1, xã L, huyện Tĩnh Biên, tỉnh An Giang.

(Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Đ vắng mặt lần 2 không lý
do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 26 tháng 8 năm 2020 và lời khai tại Tòa án, anh Trần Văn H trình bày:

Anh và chị Lâm Thị Trang Đ quen biết, do tự tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình tổ chức lễ cưới năm 2015 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Tịnh Biên, An Giang. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc và chỉ được trong khoảng thời gian ngắn, anh và chị Đ xảy ra nhiều mâu thuẫn và bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt khoảng năm 2019 anh và chị Đ sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh và chị Đ không có gặp nhau nói chuyện hàn gắn vợ chồng. Nay tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu ly hôn với chị Lâm Thị Trang Đ.

Về con chung: Anh và chị Đ không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Lâm Thị Trang Đ: Chị Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án triệu tập chị Đ đến tham dự phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng chị Đ vắng mặt không lý do.

Tại phiên Toà Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- *Thẩm phán:* Chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên Thẩm phán để án trễ hạn xét xử theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Hội đồng xét xử:* Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- *Người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chấp hành chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- + Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận cho anh H được ly hôn với chị Đ
- + Về con chung: Anh H và Đ không có con chung nên không đặt ra xem xét.
- + Về tài sản chung, nợ chung: Anh H xác nhận không có nên không xét giải quyết.
- + Về án phí: Anh H khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
- Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lâm Thị Trang Đ là bị đơn, hộ khẩu thường trú: Ấp Đ1, xã L, huyện Tịnh Biên, An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Anh Trần Văn H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án tổng đạt hợp lệ cho chị Lâm Thị Trang Đ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên Tòa lần thứ nhất và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn chị Đ. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Anh Trần Văn H cho rằng khoảng tháng 4 năm 2015 anh và chị Đ được hai gia đình tổ chức lễ cưới, sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Tịnh Biên. theo giấy chứng nhận kết hôn số: 13 ngày 08/4/2015. Tại thời điểm kết hôn anh H và chị Đ đã đủ độ tuổi và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Theo Anh H cho rằng cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, khoảng năm 2019 thì anh và chị Đ phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Trong quá trình giải quyết cũng như trong hòa giải, công bố chứng cứ tòa án cũng đã phân tích hậu quả của việc ly hôn, tuy nhiên anh H cương quyết giữ nguyên yêu cầu là xin ly hôn với chị Đ, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân thì cũng không đem lại hạnh phúc, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H được ly hôn với chị Đ là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về con chung:

Anh H xác nhận; anh và chị Đ không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh H xác nhận là không có; nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Nợ chung: không có.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh H khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56 và 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Trần Văn H đối với chị Lâm Thị Trang Đ.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trần Văn H được ly hôn với chị Lâm Thị Trang Đ.

2. *Về án phí:* Anh H chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: TU/2019/0005897 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 13 ngày 08/4/2015 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện Tịnh Biên không còn giá trị pháp lý.

3. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKS.ND huyện Tịnh Biên;
- THA.DS huyện Tịnh Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Văn Khánh